TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:39/2017/HN-ST
Ngày: 08/8/ 2017
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Thanh.
2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2017 về *tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2017/QĐXX-ST. HN ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-HN ngày 27/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1991; Địa chỉ ĐKHKTT: tổ 13, khóm 1, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang; Địa chỉ tạm trú:số 140/4, khóm Đông T 5,phường Mỹ P, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Phương P, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 13, khóm 1, phường A, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Bích T có mặt tại phiên tòa, ông Huỳnh Phương P vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 27 tháng 4 năm 2017 nguyên đơn bà Nguyễn Bích T trình bày: Bà và ông P tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới chung sống vào năm 2010, đến ngày 01/8/2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C. Quá trình chung sống, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng cách sống. Từ năm 2015, bà và ông P sống xa cách cho đến nay. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Phi.

Về con chung: Bà T khai có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc N Ý, sinh ngày 01/01/2012. Cháu Ý đang sống cùng ông P. Bà T đồng ý giao cháu Ý cho ông P nuôi dạy, bà T không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Ông Huỳnh Phương P không cung cấp bản tự khai, thông qua người thân bà Ngô Thị D (mẹ ông P), ngày 03 tháng 7 năm 2017 bà D cho biết: Ông P là con ruột của bà, ông P kết hôn với bà T năm 2011 có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới, sau đó vợ chồng sống cùng với bà. Đến tháng 4/2014 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, về kinh tế nên bà T bỏ về cha mẹ ruột cho đến nay; vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc N Ý, sinh ngày 01/01/2012 đang sống cùng với bà và ông P, vợ chồng P không có tài sản chung, nợ chung, hiện ông P đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, bà nhận trách nhiệm chuyển giao các văn bản của tòa án tống đạt cho ông P và đã thông báo cho ông P biết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành được do ông Phi vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu, cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế khó khăn, ông P không quan tâm đến bà và con, từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống xa cách, cho biết bà hiện đang làm thuê, thu nhập không ổn định nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung; xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Hội đồng xét xử công bố lời khai bà Ngô Thị D (mẹ ông P), ngày 03 tháng 7 năm 2017 và kết quả xác minh.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử , thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về pháp luật nội dung: Ông P và bà T chung sống có đăng ký kết hôn, căn cứ quy định khỏan 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, mặt dù ông P vắng mặt, không cung cấp bản khai nhưng qua xác minh nhận thấy ông P và bà T sống xa cách từ năm 2014, ông P không thiện chí gặp bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện đi làm ăn xa. Xét, ông P vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông P vắng mặt hai lần tham gia hòa giải nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung cháu N Ý đang sống cùng ông P, bà T đồng ý để ông Phi tiếp tục nuôi dạy và không cấp dưỡng, xét thấy cuộc sống cháu N Ý đã ổn định, để đảm bảo về mọi mặt để ông P tiếp tục nuôi dạy, bà T không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Phương P. Ông P cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 điểm a Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Phương P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2]Về nội dung:

Bà T và ông P chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Thời gian chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống xa cách cho đến nay. Theo bà T mâu thuẫn do bất đồng cách sống, kinh tế gia đình khó khăn, ngoài ra ông P không quan tâm đến bà và con. Cho nên, bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Ông P vắng mặt, không cung cấp bản tự khai nhưng thông qua người thân là bà Ngô Thị D (mẹ ruột ông P) thì ông P cũng biết việc bà T xin ly hôn, qua xác minh ban khóm cũng như bà D cung cấp vợ chồng bà T, ông P có phát sinh mâu thuẫn như bà T trình bày, hiện vợ chồng không còn sống chung từ năm 2014 đến nay. Xét, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu cùng chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình nhưng với những lý do trên cho thấy vợ chồng đã vi phạm nghĩa vụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông P.

Về con chung, bà T đồng ý để ông P tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Ngọc N Ý, sinh ngày 01/01/2012 là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, do cuộc sống cháu N Ý đã ổn định, mặt khác bà T hiện đang làm thuê,

thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà T về người trực tiếp nuôi dạy con chung và việc bà T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Huỳnh Phương P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung, bà T khai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí, bà T phải chịu *300.000 đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 đồng* mà bà Thủy đã nộp.

Ông P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T;

Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Huỳnh Phương P.

Về con chung: Ông Huỳnh Phương P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Huỳnh Ngọc N Ý, sinh ngày 01/01/2012; bà Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng để ông P nuôi dạy con chung.

Ông Huỳnh Phương P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0007431 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Huỳnh Phương P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Thủy có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng ông P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TP. Châu Đốc(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bích Thủy